

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 10-4-2019  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đào Tuấn Điệp

Ông Nguyễn Đức Mạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1324/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Hồng H; nơi cư trú: Thôn LP, xã TP, huyện KT, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh O; nơi cư trú: Hàn Quốc, vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Vũ Thị Hồng H trình bày:* Chị và anh O kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng sáu tháng tại Việt Nam thì anh O phải quay trở lại Hàn Quốc. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh O thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và lối sống. Chị và anh O cũng đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, do vậy anh O cũng không làm thủ tục bảo lãnh cho chị sang đoàn tụ cùng với chồng tại Hàn Quốc nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh O.

Về nuôi con và tài sản chung: Chị Vũ Thị Hồng H và anh O không có con chung, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong đơn xin ly hôn gửi về Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, bị đơn là anh O trình bày: Anh thống nhất với chị Vũ Thị Hồng H về quá trình kết hôn, về con chung, về tài sản chung cũng như nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng ly hôn. Nay anh O cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị Hồng H.*

Do anh O đang ở nước ngoài, chị Vũ Thị Hồng H không yêu cầu hòa giải nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

*Tại phiên tòa: Chị Vũ Thị Hồng H có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn xin ly hôn và các bản tự khai. Anh O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị Hồng H và anh O kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng vào ngày 02 tháng 01 năm 2018, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Vụ án có đương sự hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh O vắng mặt tại phiên tòa, anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và ủy quyền cho chị Vũ Thị Hồng H nhận văn bản tố tụng của Tòa án cho anh, tài liệu của anh đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hàn Quốc chứng nhận. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh O.

[3] Về hôn nhân: Lời khai của chị Vũ Thị Hồng H thống nhất với lời khai của anh O về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, đồng thời lời khai của anh chị cũng phù hợp với ý kiến của đại diện gia đình. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị Vũ Thị Hồng H và anh O do có bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bản thân cả anh chị cũng đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Từ giữa năm 2018, anh O đã trở về Hàn Quốc, hai bên không còn quan tâm tới nhau. Nay cả hai cùng xác định không còn tình cảm và cùng đề nghị được ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vũ Thị Hồng H và anh O đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị Vũ Thị Hồng H.

[4] Về nuôi con và chia tài sản: Chị Vũ Thị Hồng H và anh O không có con chung, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị Hồng H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Vũ Thị Hồng H và anh O được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm a khoản 5 Điều 477; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Hồng H được ly hôn với anh O.

2. Về nuôi con, chia tài sản: Chị Vũ Thị Hồng H và anh O không có con chung, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001716 ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Thị Hồng H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị Vũ Thị Hồng H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh O được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND huyện Kiến Thụy TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thu Hương**





